**Phụ lục số 01-MP**

*PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)*

*Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):* 17/05/2024

*Số tiếp nhận phiếu công bố (Product Notification No.):*

170/24/CBMP-HNa

*Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp*

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH HÀ NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG THANH PHÒNG

# PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
# TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☑ Đánh dấu vào ô thích hợp (*Tick where applicable)*

## THÔNG TIN SẢN PHẨM
## PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1 Nhãn hàng (Brand)

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| S | A | O | | T | H | Á | I | | D | Ư | Ơ | N | G | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| D | Ầ | U | | G | Ộ | I | | D | Ư | Ợ | C | | L | I | Ệ | U | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| T | H | Á | I | | D | Ư | Ơ | N | G | | 3 | | G | O | L | D | | | | | | | | |

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names):
Chai, Tuýp, Gói: 5 ml; 5 g; 6 ml; 6 g; 7 ml; 7 g; 7,5 ml; 7,5 g; 8 ml; 8 g; 9 ml; 9 g; 10 ml; 10 g; 11 ml; 11 g; 12 ml; 12 g; 13 ml; 13 g; 14 ml; 14 g; 15 ml; 15 g; 16 ml; 16 g; 17 ml; 17 g; 18 ml; 18 g; 19 ml; 19 g; 20 ml; 20 g; 22 ml; 22 g; 25 ml; 25 g; 28 ml; 28 g; 30 ml; 30g; 35 ml; 35 g; 50 ml; 50 g; 90 ml; 90 g; 100 ml; 100 g; 120 ml; 120 g; 150 ml; 150 g; 200 ml; 200 g; 250 ml; 250 g; 300 ml; 300 g; 330 ml; 330 g; 350 ml; 350 g; 480 ml; 480 g; 500 ml; 500 g; 580 ml; 580 g; 600 ml; 600 g;